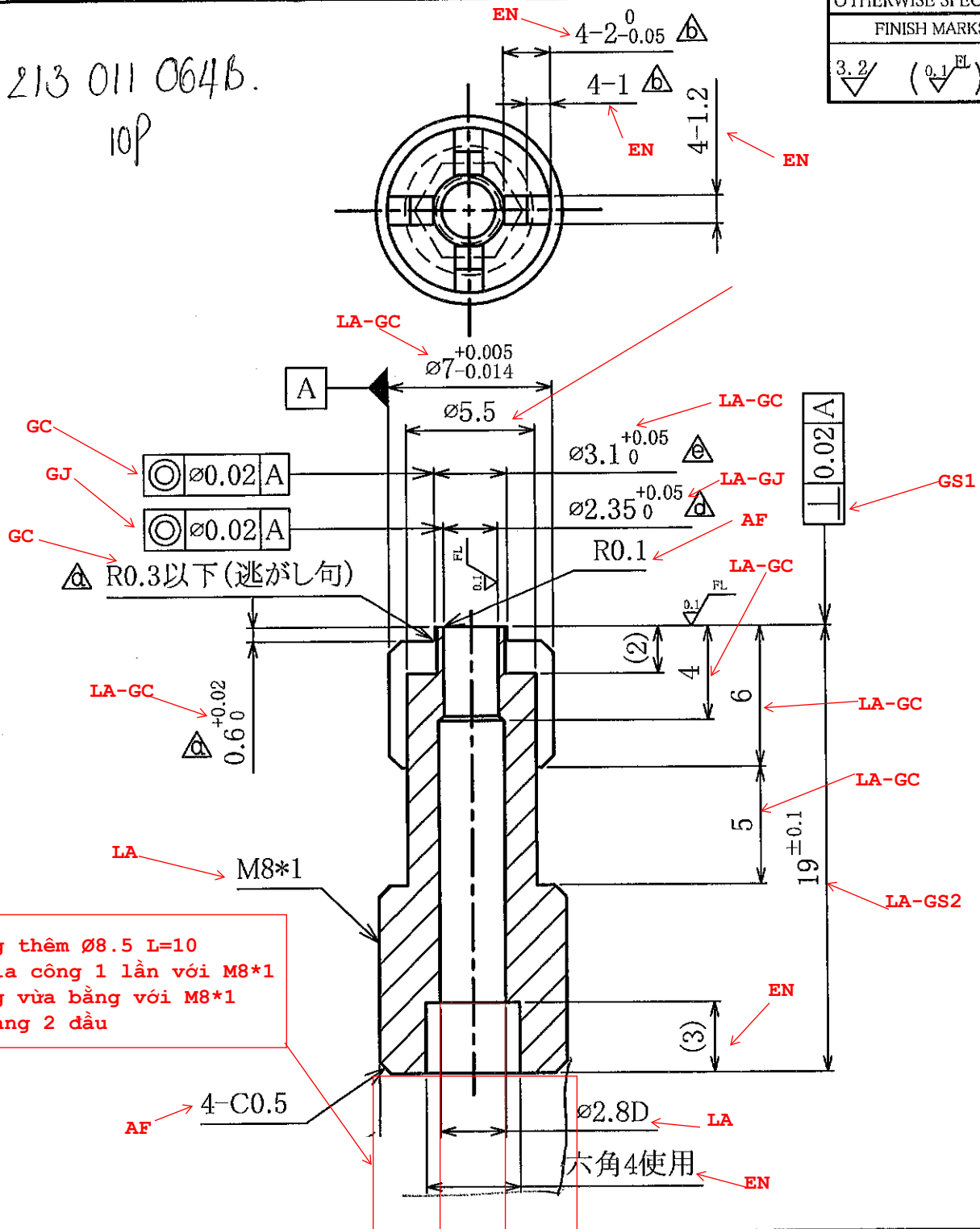


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
1	2017/01/12		SSB-VN-10001	Nguyen Khanh Khoa	T.Kitamoto	0.5 ≤, ≤ 6 ±0.1
2	2012/01/14	Φ2.15 ⇒ Φ0.02 ⇒ Φ2.3(+0.05) 寸法変更。	PE2-PDM-11-01-004	Nguyen Thi Tue Chi	Doi Kitamoto	6 <, ≤ 30 ±0.2
3	2013/08/03	Φ2.3 ⇒ Φ2.35 寸法変更	T-VNM-13-06-267	Nguyen Mau Van	Pham Thanh Tung	30 <, ≤ 120 ±0.3
4	2017/09/20	Φ4.1 ⇒ Φ8.5 寸法変更	SS-VNM-17-02-007A	Trai	Dong Khanh Tu	120 <, ≤ 315 ±0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
						FINISH MARKS
						3.2/ (0.1 <sup>FL</sup> )

213 011 064B.

10P



DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Nguyen Khanh Khoa	Kitamoto Takuya	部品図	受けピン
JENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	RECEIVE PIN
RC 58° ~ 62°		部品図	接收銷
MATERIAL	DATE	SCALE	接收銷
SKD11	2017/09/20	4:1	DWG.No.
			S832563

φ10 x 25

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

14.0110419

SNO: **S832563**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P